

Thường ở trong đại chúng
Vì muốn phá chúng con
Đến quốc vương, quan lớn
Bà-la-môn, Cư sĩ
Và chúng Tỷ-kheo khác
Chê bai nói xấu con
Đó là người tà kiến
Nói luận nghĩa ngoại đạo
Chúng con vì kính Phật
Đều nhẫn các ác đó.
Bị người đó khinh rằng
Các người đều là Phật
Lời khinh mạn dường ấy
Đều sẽ nhẫn thọ đó.
Trong đời ác Kiếp trước
Nhiều các sự sợ sệt
Quý dữ nhập thân kia
Mắng rủa hủy nhục con
Chúng con kính tin Phật
Sẽ mặc giáp nhẫn nhục
Vì để nói kinh này
Nên nhẫn các việc khó,
Con chẳng mến thân mạng

Chỉ tiếc đạo Vô Thượng.
Chúng con ở đời sau
Hộ trì lời Phật dạy
Thế Tôn tự nên biết
Tỷ-kheo ác đời trước
Chẳng biết Phật phương tiện
Tùy cơ nghi nói pháp
Châu mày nói lời ác
Luôn luôn bị xua đuổi
Xa rời nơi chùa tháp
Các điều ác như thế
Nhớ lời Phật dạy bảo
Đều sẽ nhận việc đó.
Các thành ấp xóm làng
Kia có người cầu pháp
Con đều đến chỗ đó
Nói pháp của Phật dạy.
Con là sứ của Phật
Ở trong chúng không sợ
Con sẽ khéo nói pháp
Xin Phật an lòng ở
Con ở trước Thế Tôn
Mười phương Phật đến nhóm

Phát lời thệ như thế

Phật tự rõ lòng con.

Giảng giải:

Ngày nay, một hội Linh Sơn, đức Thế Tôn rất vui mừng vì hàng Tam thừa đã khế hội Phật tâm, mọi người đều được thọ ký. Chỗ lo của Phật là ở trong đời ác kinh này khó trì, và cũng khó chứng đắc, nên cần những người có đại lực kiên nhẫn để thọ trì. Đây là sự âu lo thâm kín của đức Thế Tôn, e cho Phật chúng bị đoạn tuyệt. Các hàng Thanh văn đã được thọ ký đều chẳng có thể làm xong, cho nên đức Thế Tôn ngậm nhìn các Bồ-tát mới vân tập đến.

Các vị Bồ-tát này kính thuận Phật ý, thệ nguyện hoằng truyền. Cho nên:

Cúi mong Phật chớ lo

Sau khi Phật diệt độ

Trong đời ác ghê sợ

Chúng con sẽ rộng nói.

Đoạn này là nói kính thuận Phật ý, ở trong đời ác xin nguyện thọ trì kinh này vậy. Từ đây trở

xuống là nói việc trải qua sự nhẫn chịu các hoạn nạn, để hiển bày lý do trì kinh này khó.

*Có những người vô trí
Lời ác mắng rủa thảy
Và dao gậy đánh đập
Chúng con đều phải nhẫn.*

Đoạn này nói chung những người tệ ác, sau sẽ là loài ma xuất gia.

*Tỷ-kheo trong đời ác
Trí tà lòng dua vạy
Chưa được nói đã được
Lòng ngã mạn dấy dấy.*

Đoạn này là nói chung hạng tà mạn xuất gia.

*Hoặc người mặc áo nạp
Lặng lẽ ở chỗ vắng
Tự nói tu chân đạo
Khinh rẻ trong nhân gian.
Vi ham ưa danh lợi
Nói pháp cho bạch y
Được người đời cung kính
Như Lục thông La-hán.*

Là nói loài ma giả danh tu hành. “A-luyện-nhã” ở đây gọi là chỗ vắng lặng, nói giả danh tu hành là lấy giả làm chân thật, hư vọng tự tôn tự đại, như hàng Lục thông A-la-hán vậy.

Người đó ôm lòng ác

Thường nghĩ việc thế tục

Giả danh “A-luyện-nhã”

Ưa nói dối chúng con

Mà nói như thế này

Các bạn Tỷ-kheo này

Vì lòng tham lợi dưỡng

Nói luận nghĩa ngoại đạo

Tự làm kinh điển đó

Dối lăm người trong đời

Vì muốn cầu danh tiếng

Mà giả nói kinh đó.

Đoạn này nói về sự nhẫn chịu do nơi ác tâm. Nói tình trạng phá pháp, nguy tạo kinh điển, tham cầu lợi dưỡng, hủy báng bậc hiền thiện, thật sự là ma vậy.

Thường ở trong đại chúng

Vì muốn phá chúng con

Đến quốc vương, quan lớn

Bà-la-môn, Cư sĩ
Và chúng Tỷ-kheo khác
Chê bai nói xấu con
Đó là người tà kiến
Nói luận nghĩa ngoại đạo
Chúng con vì kính Phật
Đều nhẫn các ác đó.
Bị người đó khinh rằng
Các người đều là Phật
Lời khinh mạn dường ấy
Đều sẽ nhẫn thọ đó.

Đoạn này nói về nhẫn các việc hủy báng pháp pháp. Những tà mạn này rất khó nhẫn, đều sẽ nhẫn đó.

Trong đời ác Kiếp trước
Nhiều các sự sợ sệt
Quý dữ nhập thân kia
Mắng rủa hủy nhục con
Chúng con kính tin Phật
Sẽ mặc giáp nhẫn nhục
Vì để nói kinh này
Nên nhẫn các việc khó,

Con chẳng mến thân mạng

Chỉ tiếc đạo Vô Thượng.

Chúng con ở đời sau

Hộ trì lời Phật dạy.

Đoạn này là nói nhĩn các việc ác. Như nói đem các việc khĩng bố ác hại, bị ác quỷ dựa vào mà nhiều hại; hoặc mĩng nhiĩc, hủy nhục. Do vì kính tin Phật nên nhĩn được các nạn này, thân mạng chẳng tiếc huĩng nữa là việc xĩm hại? Nói “*chỉ tiếc đạo Vô Thượng*”, bởi vì trọng Phật chũng huệ mạng, ngoài ra tất cả đều không đáng kể, nên chỉ lấy sự hộ trì pháp của Phật phó chúc làm trọng vậy.

Thế Tôn tự nên biết

Tỷ-kheo ác đời trước

Chẳng biết Phật phương tiện

Tùy cơ nghi nói pháp

Châu mày nói lời ác

Luôn luôn bị xua đuổi

Xa rời nơi chùa tháp

Các điều ác như thế

Nhớ lời Phật dạy bảo

Đều sẽ nhĩn việc đó.

Đoạn này là nói nhấn những việc bị đui, nghĩa là những kinh điển nói ra, hàng Tỷ-kheo trong đời ác, không biết đây là do Phật tùy nghi, nên cho rằng chúng con tự tạo ra, do đó dùng lời ác hủy báng, hoặc châu mày ghét bỏ, thậm chí bị đui đi không cho ở yên nơi chùa, tháp... Thế Tôn tự biết những hạng người này. Chúng con vì nhớ lời dạy của Phật và lòng phó chúc, đều sẽ nhẫn chịu các việc ác hại đó vậy. Thật vậy, Phật pháp khó hoằng truyền. Nếu như hàng bạch y sinh lòng hủy báng còn có nguyên do. Nay đệ tử của Phật mà tự phá hoại, người xuất gia mà chẳng tin thì ai có thể tin được! Thí như con trùng trong thân Sư tử tự ăn thịt Sư tử. Đức Phật cũng không biết làm sao nữa! Chỗ lo của đức Thế Tôn chính như hôm nay. Nếu không có sức nhẫn kiên trì, làm sao kham chịu được sự oán hại này!

Các thành ấp xóm làng

Kia có người cầu pháp

Con đều đến chỗ đó

Nói pháp của Phật dạy.

Con là sứ của Phật

Ở trong chúng không sợ

HT. Thích Trí Tịnh

Con sẽ khéo nói pháp

Xin Phật an lòng ở.

Đoạn này nói khi ở nơi chỗ hoàng truyền, phàm có người cầu pháp, con đều đích thân đến chỗ của họ để thuyết pháp của Phật phó chúc. Vì đức Thế Tôn sai khiến, nương nơi oai thần của Phật nên không sợ gian nan. Mỗi mỗi đều khéo tuyên nói, nguyện Phật an lòng chớ lấy đó làm lo lắng. Bởi lẽ, Nhất thừa Phật tánh chúng tử đã được khai thị chính nơi Phật, còn ngộ nhập thì ở nơi cơ duyên. Cho nên, người tu hành nếu chẳng có chí kiên nhẫn không thay đổi chí hướng, thì do đâu mà triệt ngộ đạt đến chỗ thân chứng. Vì vậy, cần nhờ thiện tri thức điều phục, hộ trì, khiến cho họ được dần dần đạt chỗ thâm sâu.

Ngày hôm nay, đức Thế Tôn phó /chúc trì kinh này, đó là việc hộ trì nhân duyên Phật tánh. Nếu chỉ có tụng niệm văn ngôn thì đâu có gì mà khó đạt!

Con ở trước Thế Tôn

Mười phương Phật đến nhóm

Phát lời thệ như thế

Phật tự rõ lòng con.

Đoạn này là kết bài tụng để lãnh ý chỉ của Phật. Trước kia, trong Bảo tháp Phật dạy rằng: *“Sau khi Ta diệt độ, ai có thể hộ trì, đọc tụng kinh này, nay ở trước Phật nên phát lời thệ nguyện”*. Nên đây là lãnh ý chỉ của Phật, và thỉnh Phật Đa Bảo cùng chư Phật phân thân đồng chứng minh.

*

MƯỜI BỐN

Phẩm An lạc hạnh

Ý có phẩm này do phẩm Hiện Bảo Tháp, đức Như Lai chuyên cầu người trì kinh. Những chúng sơ tâm được thọ ký, dù tuân theo lời dạy của Phật, nhưng đều sợ người cõi Ta-bà nhiều tệ ác chẳng dám dẫn thân giáo hóa, đều nguyện qua cõi khác để tuyên dương Phật pháp. Ngài Dược Vương và ngài Nhạo Thuyết vì kính thuận ý Phật, thế dùng thần lực để trì kinh. Ở đây, dù các Ngài có thể hành trì, nhưng dùng sức mạnh để nhấn sự chê bai hủy báng, chẳng phải hàng sơ tâm có thể làm

được, cũng chẳng phải mưu kế mà trì kinh này được lâu dài. Cho nên, ngài Văn-thù đặc biệt vì họ mà khải thỉnh xin Phật dạy phương pháp trì kinh ở đời mạt pháp, để dạy phương pháp tỏ ngộ rồi giữ gìn, nên Phật mới vì họ mà nói bốn hạnh an lạc. Ý cho rằng ở đời ác, các tai nạn là tự mình chiêu cảm lấy, nếu tự có phương pháp ứng xử thì tự nhiên xa lìa được các tai nạn, mà chẳng bị nó làm khổ hoạn.

Tứ hạnh được đầy đủ, mới được sức ngộ thủ (ngộ rồi giữ), mới đạt cái diệu của sự trì kinh Pháp Hoa. Cho nên nói thí dụ “*kế châu*” (hạt châu trong búi tóc) để hiển bày công đức hạnh thứ nhất. Nên mới có phẩm này.

Chỉ có bốn hạnh: Hành xứ, Thân cận xứ, Thâm tâm và Đại bi tâm, phân ra chương tiết để giải thích. Phần nghĩa dù có thích hợp, nhưng phần văn thì chưa tiện hội thông. Các nhà chú giải xưa thì cho rằng bốn pháp là: Chánh thân, Chánh ngữ, Chánh ý và Đại bi tâm, bốn pháp từ đoạn rất rõ. Cho nên, ngày nay theo ý đó. Bốn pháp này lấy giới làm chủ, cũng như kinh Lăng-nghiêm lấy nhiếp tâm làm giới mà vào vậy.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Văn-thù-sư-lợi đại Bồ-tát bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Các vị Bồ-tát này rất là ít có, vì kính thuận Phật nên phát thệ nguyện lớn: Ở nơi đời ác sau, hộ trì đọc nói kinh Pháp Hoa này”.

Thế Tôn! Các vị đại Bồ-tát ở đời ác sau, thế nào mà có thể nói kinh này?

Giảng giải:

Đoạn này ngài Văn-thù nhân ở trước kia, do ngài Dược Vương và ngài Đại Nhạo Thuyết vì kính thuận theo ý Phật phát nguyện sẽ trọn thọ trì kinh này ở trong đời ác. Ngài đặc biệt vì hàng tân học Bồ-tát mà thưa hỏi phương pháp trì kinh, muốn tất cả những người này có được phương pháp tránh được tai họa, không còn sợ các việc tệ ác nữa.

Chánh văn:

2. Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi: “Nếu vị đại Bồ-tát ở đời ác sau muốn nói kinh này, phải an trụ trong bốn pháp”.

Giảng giải:

Đây là đức Thế Tôn nhân nơi ngài Văn-thù thưa thỉnh, bèn nói bốn hạnh an lạc. Dùng đó để hoằng truyền kinh Pháp Hoa, khả dĩ có thể tránh

được các tai họa. Bốn hạnh đó là: *chánh thân, chánh ngữ, chánh ý* và *đại bi tâm*. Các vị Bồ-tát vào đời lợi sinh không ngoài hai hạnh là tự lợi và lợi tha. Tam nghiệp chân chánh là sự thật của tự lợi, một hạnh đại bi là công đức lợi tha. Nếu Tam nghiệp không chánh thì mỗi hoạn nạn nó đến. Không có tâm từ mẫn là nguyên do của tai họa. Thế thì làm sao có thể vào đời lợi sinh? Vì thế, đức Như Lai mới dạy cho phương pháp tốt để giữ gìn gia nghiệp. Cả hai hạnh tự lợi, lợi tha đều lấy trí huệ làm tiền đạo, nên ngài Văn-thù mới đặc biệt thưa thỉnh.

Chánh văn:

3. Một, an trụ nơi "Hành xứ" và nơi "Thân cận xứ" của Bồ-tát, thời có thể vì chúng sinh mà diễn nói kinh này. Văn-thù-sư-lợi! Thế nào gọi là chỗ "Hành xứ" của đại Bồ-tát? Nếu vị đại Bồ-tát an trụ trong nhẫn nhục hòa dịu khéo thuận mà không vụt chạc lòng cũng chẳng kinh sợ, lại ở nơi pháp không phân biệt mà quán tướng như thật⁷ của các pháp cũng chẳng vin theo, chẳng phân biệt, đó gọi là chỗ "Hành xứ" của Bồ-tát.

⁷ Thật tướng: rời tất cả tướng có, không v.v... gọi là Thật tướng (tướng chân thật), vì tất cả tướng có, không v.v... đều là hư dối cả.

Giảng giải:

Đoạn này nói riêng pháp “Hành xứ” trong bốn pháp.

Ban đầu là hạnh Chánh thân. Ở trước, phẩm Pháp Sư có dạy phương pháp trì kinh, nói rằng: Vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai.

Nhà Như Lai chính là tâm đại bi, y Như Lai chính là tâm nhẫn nhục, tòa Như Lai chính là các pháp đều Không. Vì nó tốt ở chỗ thân cận và tùy thuận.

Nay, bốn pháp này rộng giải thích nghĩa trước. “Hành xứ”, “Thân Cận xứ” có hai hạnh là lý và sự, nhưng đều lấy nhẫn nhục làm đầu, đó gọi là mặc y Như Lai. Nên “Hành xứ” đầu tiên nói an trụ nơi bậc nhẫn nhục, đó là nơi cứu cánh tịch diệt. Nhẫn có ba: Sinh nhẫn, Vô sinh nhẫn và Tịch diệt nhẫn.

❖ Sinh nhẫn: là sức mạnh để nhẫn chịu sự mắng nhiếc, mà chưa hết chấp ngã. Ngã đã không thể quên thì làm sao tiêu được sự hung ác của họ?

❖ Vô sinh nhẫn: là những sự gia hại đem đến cho mình, chỉ cần quán tâm vốn không sinh, dù

người kia đem ác đến để làm hại, mà tâm mình chẳng sinh khởi, chẳng bị động, dù rằng an mà chưa quên được vật. Cho nên, mới răn chớ có thân cận để phòng ngừa những ác giác (do phân biệt mà có), ác tập (do tập khí thói quen). Đó mới khéo vào Vô sinh nhẫn.

❖ Tịch diệt nhẫn: là thân cận tự tha thân tâm vốn tự tịch diệt. Tịch diệt nên tâm cảnh đều mất, trọn không có pháp đối đãi, toàn chẳng thấy có tướng hủy nhục. Cho nên có thể nhu hòa khéo thuận mà chẳng vụt chạc, tâm cũng chẳng kinh sợ, chỗ gọi là bậc nhẫn nhục địa, mới gọi là vào nhà Như Lai.

Do đối tượng và chủ thể (gồm tâm, cảnh, ngã, nhân, sự vật, đối đãi v.v...) đã tịch diệt, thì không có người hủy hại cũng không có người lãnh thọ, tướng nhẫn cũng không, nên gọi là đối với pháp vô sở hành. Nếu có sở hành tức là nhân ngã chưa quên, thì đó không phải là chỗ tịch diệt. Sở dĩ chẳng thấy có sở hành, do quán các pháp như Thật tướng, nghĩa là đương thể tịch diệt, bản thể như như, cho nên không thấy có nhẫn đáng thực hành, cũng không phân biệt cái nhục được nhẫn chịu. Đây là bình

đẳng bất nhị. Năng sở cả hai đều mất, tâm hành xứ diệt, chỗ gọi là “*lấy pháp không làm tòa*”. Lý và Hạnh đều vi diệu. Đó gọi là “*Hành xứ*”.

Chánh văn:

4. Thế nào gọi là chỗ “*Thân cận*” của Đại Bồ-tát? Vị đại Bồ-tát chẳng gán gửi quốc vương, vương tử, đại thần, quan trưởng, chẳng gán gửi các ngoại đạo Phạm Chí, Ni-kiền-tử v.v... và chẳng gán những kẻ viết sách thể tục ca ngâm; sách ngoại đạo cùng với phái “*Lộ-già-da-đà*” phái “*Nghịch-lộ-già-da-đà*”, cũng chẳng gán gửi những kẻ chơi hung hiểm đâm nhau, đánh nhau, và bọn Na-la v.v... bày các cuộc chơi biến hiện.

Lại chẳng gán gửi bọn hàng thịt, và kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn, chài lưới, hạng người sống với nghề ác, những người như thế hoặc có lúc lại đến thời Bồ-tát vì nói pháp không có lòng mong cầu.

Lại chẳng gán gửi những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hạng người cầu quả Thanh văn, hoặc ở trong phòng, hoặc chỗ kinh hành, hoặc ở trong giảng đường chẳng cùng ở chung, hoặc có lúc những người đó lại đến, Bồ-tát theo cơ nghi nói pháp không lòng mong cầu.

Văn-thù-sư-lợi! Lại vị đại Bồ-tát chẳng nên ở nơi thân người nữ cho là tướng có thể sinh tư tưởng dục

nhiệm mà vì nói pháp, cũng chẳng ưa thấy. Nếu vào nhà người, chẳng cùng với gái nhỏ, gái trinh, gái góa v.v... chung nói chuyện, cũng lại chẳng gần năm giống người bất nam để làm thân hậu.

Chẳng riêng mình vào nhà người, nếu lúc có nhân duyên cần riêng mình vào thời chuyên một lòng niệm Phật

Nếu vì người nữ nói pháp thời chẳng hở răng cười, chẳng bày hông, ngực, nhấn đến vì pháp mà còn chẳng thân hậu, hưởng lại là việc khác.

Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa-di ít tuổi và các trẻ nhỏ, cũng chẳng ưa cùng chúng nó đồng một thầy. Thường ưa ngồi thiền ở chỗ vắng tu nhiếp tâm mình.

Văn-thù-sư-lợi! Đó gọi là "Chỗ thân cận" ban đầu.

Giảng giải:

Đoạn này nói về "Thân cận xứ" ban đầu, lấy Giới và Định làm căn bản. Chuyên tâm giữ giới chẳng nên gần gũi những người không đáng gần gũi. Sợ dẫn ác tập làm hại chánh hạnh, tức là ý ở kinh Lăng-nghiêm do ba tiệm thứ mà vào Vô sinh nhẫn.

Nói "*chẳng gần gũi quốc vương*" để đề phòng chướng ngại nhiễm tập khí giàu sang, kiêu mạn, buông lung làm chướng ngại chánh niệm.

Nói “*chẳng gần gũi các ngoại đạo*” để phòng ngừa tập khí về tà kiến làm chướng ngại cho Chánh kiến.

“*Phạm Chí*” là người xuất gia tà kiến. Còn “*Ni-kiên-tử*” là người tại gia tà kiến.

Nói “*chẳng gần những kẻ viết sách thế tục ca ngâm; sách ngoại đạo*” vì đó là vọng ngôn, ý ngữ. “*Ý ngữ*” là tạp luận, làm chướng ngại Chánh tư duy.

Nói “*Lộ-già-da-dà*” tức là ác luận thầy phá đệ tử, “*Nghịch-lộ-già-da-dà*” là ác luận đệ tử phá thầy, đều không nên gần, vì làm chướng ngại Chánh tri kiến.

Nói “*chẳng gần gũi những kẻ chơi hung hiểm đâm nhau, đánh nhau*” để phòng ngừa tập khí điên đảo, tán loạn.

Nói “*Na-la-diên*” đây gọi là lực. “*Chiên-đà-la*” đây gọi là nghiêm xí, nghĩa là dùng điều ác để tự nghiêm như dựng cờ. Đây là phòng ngừa cho người tu hạnh Tịch tịnh.

Nói “*kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn, chài lưới, hạng người sống với nghề ác*” là ác luật nghi,

đề phòng tập khí sát, đạo. Những người đó có đến mà vì họ nói pháp, là để giúp họ tiêu trừ ác niệm, đó gọi là tâm đại từ đại bi vậy.

Nói “*lại chẳng gần gũi những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hạng người cầu quả Thanh văn*” là đề phòng tập khí hẹp hòi của Tiểu thừa. Kinh Lăng-nghiêm nói: “*Nên bỏ ngoại đạo, Tiểu thừa, ác kiến, nghị luận. Nên thân cận với hạng tối thắng tri thức*”.

Nói rằng: “*hoặc ở trong phòng, hoặc chỗ kinh hành, hoặc ở trong giảng đường chẳng cùng ở chung*” là đề phòng tập khí lần lần quen nhiễm (theo Thanh văn Tiểu thừa). Lúc họ đến thì vì họ mà nói pháp, giáo hóa thói quen về nhỏ hẹp ấy, khiến họ nhập vào đại đạo. Chỗ gọi là vào nhà Như Lai.

Nói “*chẳng nên ở nơi thân người nữ cho là tướng có thể sinh tư tưởng dục nhiễm mà vì nói pháp, cũng chẳng ưa thấy*” đề phòng tập khí dâm dục.

Nói “*chẳng gần năm giống người bất nam để làm thân hậu*” là nói họ chẳng phải là pháp khí, đề phòng tập khí khinh lờn, nham nhỏ hẹp hòi.

Nói “*chẳng riêng mình vào nhà người*” là để đề phòng ngừa hiềm nghi tà vạy, sợ mất chánh niệm

Nói “*nếu vì người nữ nói pháp thời chẳng hở răng cười, chẳng bày hông, ngực, nhân đến vì pháp mà còn chẳng thân hậu, huống lại là việc khác*” là vì phòng ngừa dẫn dắt dâm cơ phá hoại tâm giới.

Nói “*chẳng ưa nuôi đệ tử Sa-di ít tuổi*” sợ chướng ngại hạnh an lạc.

Xem nơi cận xứ này, tức là căn bản của giới phẩm. Chỗ gọi rằng giữ gìn thân không làm, tâm không khởi. Ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, chẳng ra ngoài nơi đây.

Kinh Lăng-nghiêm nói: “*Nhân giới sinh định, nhân định phát huê*” thường thích ngồi thiền, thì định nương nơi giới mà lập. Đây gọi là chỗ “*Thân cận*” ban đầu còn thuộc về *sự hạnh*.

Chánh văn:

5. Lại nữa, vị đại Bồ-tát quán sát “*Nhất thiết pháp không như thật tướng*” chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không, không có thật tánh, tất cả lời nói phô dứt, chẳng sinh, chẳng xuất,

chẳng khởi, không danh, không tướng, thật không chỗ có, không lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sinh cho nên nói, thường ưa quán sát pháp tướng như thế đó gọi là “Chỗ thân cận” thứ hai của vị đại Bồ-tát.

Giảng giải:

Đoạn này nói về “Thân cận xứ” thứ hai, lấy quán chiếu làm căn bản. Trước kia thì ngăn, chẳng nên thân cận với các nghề ác, đề phòng nơi nhiễm tập, giữ tâm không khởi mà được Vô sinh nhẫn. Còn đoạn này là quán tất cả pháp đều không thuộc về Tịch diệt nhẫn, chính chỗ gọi là “*các pháp không làm tào*”, tức là quán tất cả pháp đương thể không tịch, xứng chân thật tánh, không có một pháp nào có thể được, chẳng thấy có tướng điên đảo, động chuyển, sinh diệt, động loạn. Do quán các pháp vốn tự tịch tịnh, cho nên chẳng sinh chẳng diệt, trọn không có động chuyển. Đương thể như như, cho nên tâm cảnh như như vốn không chỗ có. Tâm cảnh đã tịch diệt thì tất cả đều tịch diệt, do vậy ngôn ngữ dứt hết. Như thế, không có người hủy nhục ta, cũng không có người nhận lãnh. Do vì tuyệt sự đối đãi nên không có tướng sinh, xuất,

HT. Thích Trí Tịnh

khởi, diệt, vì thế nói rằng không danh, không tướng, tất cả đều không thì tâm phân biệt và ngôn ngữ dứt bật. Cho nên không lường, không ngần mé, không ngại, không chướng vậy.

Quán các pháp là tịch diệt nhưng không phải là đoạn diệt. Do nhân duyên giả danh mà có, tất cả đều từ nơi vọng tưởng điên đảo mà sinh. Cho nên, mới có ngôn thuyết đó thôi. Đây mới là cảnh an tâm và tịch diệt, chỗ gọi là trụ bậc nhân nhục, nên trong kinh vẫn nói là: “*Thường ưa quán sát pháp tướng như vậy*”, là chỗ “*Thân cận xử*” thứ hai. Chính là diệu hạnh để trì kinh trong đời ác không ngoài các điều này. Tuy gọi là chánh thân, mà kỳ thật Tam nghiệp đều tịch tịnh, tổng gồm muôn hạnh, vào trong thế tục để lợi sinh, không gì hơn đây vậy.

Chánh văn:

6. Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nếu có vị Bồ-tát

Ở trong đời ác sau

Lòng không hề sợ sệt

Muốn nói kinh pháp này
Nên trụ vào "Hành xứ"
Và trụ "Thân cận xứ"
Thường xa rời quốc vương
Và con của quốc vương
Quan đại thần, quan lớn.
Kẻ chơi việc hung hiểm
Cùng bọn Chiên-đà-la
Hàng ngoại đạo Phạm Chí
Cùng chẳng ưa gần gũi
Hạng người tăng thượng mạn
Hàng học giả tham chấp
Kinh luật luận Tiểu thừa
Những Tỷ-kheo phá giới
Danh tự A-la-hán
Và những Tỷ-kheo-ni
Ưa thích chơi giỡn cười
Các vị Ưu-bà-di
Tham mê năm món dục
Cầu hiện tại diệt độ
Đều chớ có gần gũi.
Nếu những hạng người đó
Dùng tâm tốt mà đến

Tại chỗ của Bồ-tát
Để vì nghe Phật đạo
Bồ-tát thời nên dùng
Lòng không chút sợ sệt
Chẳng có niệm mong cầu
Mà vì chúng nói pháp.
Những gái góa, gái trinh
Và các kẻ bất nam
Đều chớ có gán gũ
Để cùng làm thân hậu.
Cũng chớ nên gán gũ
Kẻ đồ tể cất thái
Săn bắn và chài lưới
Vì lợi mà giết hại
Bán thịt để tự sống
Buôn bán sắc gái đẹp
Những người như thế đó
Đều chớ có gán gũ.
Các cuộc chơi giỡn dữ
Hung hiểm đâm đánh nhau
Và những dâm nữ thấy
Trọn chớ có gán gũ.
Chớ nên riêng chỗ khuất

Vì người nữ nói pháp
Nếu lúc vì nói pháp
Chẳng đặng chơi giỡn cười
Khi vào xóm khát thực
Phải dặt một Tỷ-kheo
Nếu không có Tỷ-kheo
Phải một lòng niệm Phật
Đây thời gọi tên là
“Hành xứ”, “Thân cận xứ”
Dùng hai xứ trên đây
Có thể an lạc nói.

Giải thích:

Câu “Nếu có vị Bồ-tát” đến câu “có thể an lạc nói” gồm 60 câu, là nói chung về “Hành xứ” và “Thân cận xứ”.

Nếu có vị Bồ-tát
Ở trong đời ác sau
Lòng không hề sợ sệt
Muốn nói kinh pháp này
Nên trụ vào “Hành xứ”
Và trụ “Thân cận xứ”.

Đây là nêu lên tổng quát.

Thường xa rời quốc vương
Và con của quốc vương
Quan đại thần, quan lớn.
Kẻ chơi việc hung hiểm
Cùng bọn Chiên-đà-la
Hàng ngoại đạo Phạm Chí.

Lời tụng nói không gần gũi quốc vương,
người hung hiểm, ác luật nghi, và ngoại đạo gồm
bốn việc vậy.

Cùng chẳng ưa gần gũi
Hạng người tăng thượng mạn
Hàng học giả tham chấp
Kinh luật luận Tiểu thừa
Những Tỷ-kheo phá giới
Danh tự A-la-hán
Và những Tỷ-kheo-ni
Ưa thích chơi giỡn cười
Các vị Ưu-bà-di
Tham mê năm món dục
Cầu hiện tại diệt độ
Đều chớ có gần gũi.
Nếu những hạng người đó

Dùng tâm tốt mà đến
Tại chỗ của Bồ-tát
Để vì nghe Phật đạo
Bồ-tát thời nên dùng
Lòng không chút sợ sệt
Chẳng có niệm mong cầu
Mà vì chúng nói pháp.

Bài tụng nói không gần gũi những người cầu
Tiểu thừa.

Những gái góa, gái trinh
Và các kẻ bất nam
Đều chớ có gần gũi
Để cùng làm thân hậu.

Không nên gần gũi phụ nữ và người lưỡng tính.

Cũng chớ nên gần gũi
Kẻ đồ tể cắt thái
Săn bắn và chài lưới
Vì lợi mà giết hại
Bán thịt để tự sống
Buôn bán sắc gái đẹp
Những người như thế đó
Đều chớ có gần gũi.

*Các cuộc chơi giỡn dữ
Hung hiểm đâm đánh nhau
Và những dâm nữ thảy
Trợn chớ có gần gũi.*

Chẳng nên gần ba việc sát sinh, trộm cướp,
tà dâm.

*Chớ nên riêng chỗ khuất
Vì người nữ nói pháp
Nếu lúc vì nói pháp
Chẳng dặng chơi giỡn cười
Khi vào xóm khát thực
Phải dặt một Tỷ-kheo
Nếu không có Tỷ-kheo
Phải một lòng niệm Phật.*

Lời tụng nói chớ nên vì người nữ mà thuyết pháp. “*Khi vào xóm khát thực, phải dặt một Tỷ-kheo*”, chỗ gọi rằng bậc Thượng tọa, A-xà-lê cần ngăn ngừa sự sơ suất mà bị lỗi lầm. ngài A-nan không theo điều này nên bị sa vào nhà dâm nữ đó vậy. Nói “*phải một lòng niệm Phật*” là muốn nói làm cho tâm luôn thanh tịnh.

Đây thời gọi tên là

“Hành xứ”, “Thân cận xứ”

Dùng hai xứ trên đây

Có thể an lạc nói.

Là tổng kết cả hai: “Hành xứ” và “Thân cận xứ” thuộc về *sự hạnh*.

Chánh văn:

7. Lại cũng chẳng vịn theo

Pháp thượng, trung và hạ

Hữu vi hay vô vi

Thật cùng pháp chẳng thật.

Cũng chẳng có phân biệt

Là nam là nữ thảy

Lại chẳng đặt các pháp

Chẳng biết cũng chẳng thấy

Đây thời gọi tên là

“Hành xứ” của Bồ-tát.

Tất cả các món pháp

Đều không, chẳng chỗ có

Không có chút thường trụ

Vẫn cũng không khởi diệt

Đây gọi là “Thân cận”

Chỗ người trí hăng nường.

Chớ đảo điên phân biệt
Các pháp có hoặc không
Là thật, chẳng phải thật
Là sinh chẳng phải sinh
Ở an nơi vắng vẻ
Sửa trau nhiếp tâm mình
An trụ chẳng lay động
Như thế núi Tu-di.
Quán sát tất cả pháp
Thấy đều không thật có
Dường như khoảng hư không
Không có chút bền chắc.
Chẳng sinh cũng chẳng xuất
Chẳng động cũng chẳng thối
Thường trụ một tướng thế
Đây gọi là "Cận xứ".
Nếu có vị Tỷ-kheo
Sau khi Ta diệt độ
Vào được "Hành xứ" này
Và "Thân cận xứ" đó
Thời lúc nói kinh này
Không có lòng e sợ.
Vị Bồ-tát có lúc

Vào nơi nhà tịnh thất
Lòng nghĩ nhớ chân chánh
Theo đúng nghĩa quán pháp.
Từ trong thiền định dậy
Vi các bậc quốc vương
Vương tử và quan, dân
Hàng Bà-la-môn thầy
Mà khai hóa diễn bày
Rộng nói kinh điển này
Tâm vị đó an ổn
Không có chút khiếp nhược.
Văn-thù-sư-lợi này!
Đó gọi là Bồ-tát
An trụ trong sơ pháp
Có thể ở đời sau
Diễn nói kinh Pháp Hoa.
Giảng giải:
Lại cũng chẳng vịn theo
Pháp thượng, trung và hạ
Hữu vi hay vô vi
Thật cùng pháp chẳng thật.
Cũng chẳng có phân biệt

Là nam là nữ thấy
Lại chẳng đặng các pháp
Chẳng biết cũng chẳng thấy
Đây thời gọi tên là
"Hành xứ" của Bồ-tát.
Tất cả các món pháp
Đều không, chẳng chỗ có
Không có chút thường trụ
Vấn cũng không khởi diệt
Đây gọi là "Thân cận"
Chỗ người trí hăng nường.
Chớ đảo điên phân biệt
Các pháp có hoặc không
Là thật, chẳng phải thật
Là sinh chẳng phải sinh
Ở an nơi vắng vẻ
Sửa trau nhiếp tâm mình
An trụ chẳng lay động
Như thế núi Tu-di.
Quán sát tất cả pháp
Thấy đều không thật có
Dường như khoảng hư không
Không có chút bền chắc.

Chẳng sinh cũng chẳng xuất
Chẳng động cũng chẳng thối
Thường trụ một tướng thế
Đây gọi là “Cận xứ”.

Chung tụng về “Hành xứ” và “Thân cận xứ” thuộc về *lý hạnh*. Mười câu đầu là nói pháp không có sở hành, nghĩa là khi tâm đã tịch chỉ (vắng lặng) thì không khởi phân biệt. Nói: “*Lại chẳng dặng các pháp*” nghĩa là không có một pháp nào có thể làm cho động tâm, nên chẳng biết chẳng nghe. Đây là tụng về “Hành xứ” thuộc về *lý hạnh*.

Tất cả các món pháp
Đều không, chẳng chỗ có
Không có chút thường trụ
Vẫn cũng không khởi diệt
Đây gọi là “Thân cận”
Chỗ người trí hăng nung.
Chớ đảo điên phân biệt
Các pháp có hoặc không
Là thật, chẳng phải thật
Là sinh chẳng phải sinh
Ở an nơi vắng vẻ
Sửa trau nhiếp tâm mình

An trụ chẳng lay động
Như thế núi Tu-di.
Quán sát tất cả pháp
Thảy đều không thật có
Dường như hư không
Không có chút bền chắc.
Chẳng sinh cũng chẳng xuất
Chẳng động cũng chẳng thối
Thường trụ một tướng thế
Đây gọi là "Cận xứ".

Là tụng về "Cận xứ" thuộc *lý hạnh*. Câu "đều không, chẳng chỗ có" v.v... là quán tất cả pháp không vô sở hữu "Như Thật tướng" v.v... Bởi tâm ngôn đều dứt, nên tâm an trụ bất động. Từ câu "quán sát tất cả pháp... Đây gọi là "Cận xứ", là quán tất cả pháp nghĩa như hư không, vì chúng như hư không nên thường trụ một tướng.

Nếu có vị Tỷ-kheo
Sau khi Ta diệt độ
Vào được "Hành xứ" này
Và "Thân cận xứ" đó
Thời lúc nói kinh này
Không có lòng e sợ.

Là nói tổng kết về “Hành xứ” và “Thân cận xứ”, giải thích như trên có thể an lạc mà thuyết pháp. Nhờ tâm không khiếm nhược nên được an lạc.

Vị Bồ-tát có lúc

Vào nơi nhà tịnh thất

Lòng nghĩ nhớ chân chánh

Theo đúng nghĩa quán pháp.

Từ trong thiền định dậy

Vì các bậc quốc vương

Vương tử và quan, dân

Hàng Bà-la-môn thầy

Mà khai hóa diễn bày

Rộng nói kinh điển này

Tâm vị đó an ổn

Không có chút khiếm nhược.

Là tụng lý do không khiếm nhược, chỗ gọi là Bồ-tát khi vào thiền định thì tùy theo nghĩa mà quán nơi pháp. Nói đúng như lý mà quán sát được tánh chân thật của các pháp. Do từ thiền định mà khởi dậy thuyết pháp, vì thế mà tâm rất an ổn không khiếm sợ.

Văn-thù-sư-lợi này!

Đó gọi là Bồ-tát

An trụ trong sơ pháp

Có thể ở đời sau

Diễn nói kinh Pháp Hoa.

Chánh văn:

8. Lại Văn-thù-sư-lợi! Sau khi đức Như Lai diệt độ, ở trong đời mạt pháp muốn nói kinh này, phải trụ nơi hạnh an lạc, hoặc miệng tuyên nói hoặc lúc đọc kinh đều chẳng ưa nói lỗi của người và của kinh điển; cũng chẳng khinh mạn các Pháp sư khác, chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác. Ở nơi hàng Thanh văn cũng chẳng kêu tên nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng kêu tên khen ngợi điều tốt của người đó.

Lại cũng chẳng sinh lòng oán hiềm, vì khéo tu lòng an lạc như thế nên những người nghe pháp không trái ý. Có chỗ gạn hỏi, chẳng dùng pháp Tiểu thừa đáp, chỉ dùng pháp Đại thừa mà vì đó giải nói làm cho đặng bậc “Nhất thiết chủng trí”.

Giảng giải:

Đoạn này là hạnh Chánh ngữ. “*Phải an trụ nơi hạnh an lạc*” tức là “Hành xứ” và “Cận xứ” ở trên. Đúng như lý quán sát, không có tâm phân biệt, sau mới xứng theo lý nói pháp, thì không có

lỗi ở ngôn ngữ. “*Không nói lỗi của kinh điển*” đó là do trái với Thật tướng của các pháp. Bởi vì Phật tùy nghi mà nói pháp, cho nên không nói chỗ có lỗi của pháp đó. Nói lỗi đó là trí huệ Thiên không, là trí huệ chưa rốt ráo viên mãn ví như con lừa bị què một chân. Nói “*chẳng khinh mạn các Pháp sư khác*”, vì không có tướng ngã nhân, nên không nói lỗi của người. “*Ở nơi hàng Thanh văn cũng chẳng kêu tên nói lỗi quấy của người đó*”, vì đó là hàng Nhị thừa thuộc Quyền giáo phương tiện của đức Phật lập ra. Nói “*chẳng kêu tên khen ngợi điều tốt của người đó*”, sợ họ chấp Hóa Thành để làm Bảo Sở vậy. “*Lại cũng chẳng sinh lòng oán hiềm*”, vì không thấy có người hủy báng ta. “*Những người nghe pháp không trái ý, có chỗ gạn hỏi, chẳng dùng pháp Tiểu thừa đáp, chỉ dùng pháp Đại thừa mà vì đó giải nói làm cho đặng bậc “Nhất thiết chứng trí”*”. Đây chính là tâm đại từ bi. Được như đây, mới có thể gọi là khéo tu hạnh an lạc.

Chánh văn:

9. Khi ấy, Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Vị Bồ-tát thường ưa
An ổn nói kinh pháp
Ở nơi chỗ thanh tịnh
Mà sắp đặt sàng tòa
Dùng hương dầu xoa thân
Tắm gội các bụi dơ
Mặc y mới sạch sẽ
Trong ngoài đều sạch thơm
Ngồi an nơi pháp tòa
Theo chỗ hỏi vì nói.
Nếu có vị Tỷ-kheo
Cùng với Tỷ-kheo-ni
Các hàng Ưu-bà-tắc
Và hàng Ưu-bà-di
Quốc vương và vương tử
Các quan cùng sĩ dân
Dùng pháp nghĩa nhiệm mầu
Vui vẻ vì họ nói
Nếu có người gạn hỏi
Theo đúng nghĩa mà đáp
Nhân duyên hoặc thí dụ
Giải bày phân biệt nói
Dùng trí phương tiện này

Đều khiến kia phát tâm
Lần lần thêm đông nhiều
Vào ở trong Phật đạo.
Trừ lòng lười biếng trễ
Cùng với tướng giải đãi
Xa rời các ưu não
Tâm từ lành nói pháp
Ngày đêm thường tuyên nói
Giáo pháp Vô Thượng đạo
Đùng các việc nhân duyên
Vô lượng món thí dụ
Mở bày dạy chúng sinh
Đều khiến chúng vui mừng
Y phục cùng đồ nằm
Đồ ăn uống thuốc thang
Mà ở nơi trong đó
Không có chỗ mong cầu
Chỉ chuyên một lòng nhớ
Nhân duyên nói kinh pháp
Nguyện Ta thành Phật đạo
Khiến mọi người cũng vậy
Đó là lợi lành lớn
Là an vui cúng dường.

Sau khi Ta diệt độ
Nếu có vị Tỷ-kheo
Có thể diễn nói được
Kinh Diệu Pháp Hoa này
Lòng không chút ganh hờn
Không các nảo chướng ngại
Cũng lại không ưu sầu
Và cùng mắng nhiếc thảy
Lại cũng không sợ sệt
Không dao gậy đánh đập
Cũng không xua đuổi ra
Vi an trụ nhẫn vậy.
Người trí khéo tu tập
Tâm mình được dưỡng ấ
Thời hay trụ an lạc
Như Ta nói ở trên
Công đức của người đó
Trong nghìn muôn ức kiếp
Tính kể hay thí dụ
Nói chẳng thể hết đặng.
Giảng giải:
Vị Bồ-tát thường ưa

An ổn nói kinh pháp
Ở nơi chỗ thanh tịnh
Mà sắp đặt sàng tòa
Dùng hương dầu xoa thân
Tắm gội các bụi dơ
Mặc y mới sạch sẽ
Trong ngoài đều sạch thơm
Ngồi an nơi pháp tòa
Theo chỗ hỏi vì nói.

Mười câu đầu là “*an ổn thuyết pháp*”. Nói “*trong ngoài đều thanh tịnh*”. Nói “*an ổn*” đó là nói trong tâm thì tâm thanh tịnh, còn ngoài thì nơi chỗ sạch dầu thoa, tắm giặt, y phục sạch. Đó là sự thanh tịnh bên ngoài. “*Dùng hương dầu xoa thân*” là loại dầu Tô Hiệp. Ở Tây Vực, người Ấn Độ dùng dầu này thoa thân để được thơm sạch. “*Ngồi an nơi pháp tòa*”, chỗ gọi pháp không làm tòa, thì trong ngoài đều không. Còn câu “*theo chỗ hỏi vì nói*” là không trái ý người hỏi.

Nếu có vị Tỷ-kheo
Cùng với Tỷ-kheo-ni
Các hàng Ưu-bà-tắc

Và hàng Ưu-bà-di
Quốc vương và vương tử
Các quan cùng sĩ dân
Dùng pháp nghĩa nhiệm mầu
Vui vẻ vì họ nói
Nếu có người gạn hỏi
Theo đúng nghĩa mà đáp
Nhân duyên hoặc thí dụ
Giải bày phân biệt nói
Dùng trí phương tiện này
Đều khiến kia phát tâm
Lần lần thêm đông nhiều
Vào ở trong Phật đạo.
Trừ lòng lười biếng trễ
Cùng với tướng giải đãi
Xa rời các ưu não
Tâm từ lành nói pháp
Ngày đêm thường tuyên nói
Giáo pháp Vô Thượng đạo
Dùng các việc nhân duyên
Vô lượng món thí dụ
Mở bày dạy chúng sinh
Đều khiến chúng vui mừng.

Nói về nghi thức thuyết pháp. Nói Tứ chúng, quốc vương v.v... là nói chung những người cầu pháp. “*Dùng pháp nghĩa nhiệm mầu*” là chỉ dạy pháp Đại thừa Thật tướng. “*Vui vẻ vì họ nói*” là thuyết một cách hoan hỷ. Nói “*giải bày phân biệt nói*” là ứng với căn cơ mà thuyết pháp. Nói “*đều khiến kia phát tâm*” là đại từ bi vậy. “*Trừ lòng lười biếng trễ, cùng với tướng giải đãi*”, tức là kẻ dững mãi tinh tấn, lấy Phật pháp làm niềm tin nên xa lìa mọi ưu não. “*Ngày đêm thường tuyên nói*” tức là rốt ráo tinh tấn. Nói “*đều khiến chúng vui mừng*”, chỗ gọi là dạy cho họ được lợi ích và hoan hỷ.

*Y phục cùng đồ nằm
Đồ ăn uống thuốc thang
Mà ở nơi trong đó
Không có chỗ mong cầu
Chỉ chuyên một lòng nhớ
Nhân duyên nói kinh pháp
Nguyện Ta thành Phật đạo
Khiến mọi người cũng vậy
Đó là lợi lành lớn
Là an vui cúng dường.*

Lời tụng nói sự thanh tịnh thuyết pháp chẳng mong cầu lợi dưỡng. “*Nguyện Ta thành Phật đạo*” nên lấy pháp làm sự cúng dường. Chỗ gọi là: “*Trong các pháp cúng dường, cúng dường pháp là tối thượng*”, nghĩa là lấy pháp làm vui tức là tư thọ sự an lạc cúng dường, nên không mơ ước bên ngoài.

*Sau khi Ta diệt độ
Nếu có vị Tỷ-kheo
Có thể diễn nói được
Kinh Diệu Pháp Hoa này
Lòng không chút ganh hờn
Không các nảo chướng ngại
Cũng lại không ưu sầu
Và cùng mắng nhiếc thảy
Lại cũng không sợ sệt
Không dao gậy đánh đập
Cũng không xua đuổi ra
Vì an trụ nhẫn vậy.*

Rộng nói về hạnh nhẫn của phẩm trước. Do tâm tốt nơi nhẫn nên miệng không nói các lỗi, nhờ vậy mà có thể tránh xa được những tai họa, bởi các tai nạn đều do tự tâm không nhẫn mà gây ra.

Vì an trụ nơi nhẫn nên gọi là binh lính tự giữ gìn, không có chỗ nào làm chết được, cho nên tất cả những tai họa, dao gươm đều là không vậy.

Người trí khéo tu tập

Tâm mình được dường ấy

Thời hay trụ an lạc

Như Ta nói ở trên

Công đức của người đó

Trong nghìn muôn ức kiếp

Tính kể hay thí dụ

Nói chẳng thể hết đặng.

Là kết tụng về hạnh Chánh ngữ, nghĩa là hàng Bồ-tát khéo tu tập tâm mình để có thể an trụ nơi hạnh an lạc, tự mình không có cái tai nạn, thiện pháp ngày càng tăng, người thọ sự giáo hóa ngày càng nhiều. Vì vậy, công đức vô cùng tận, nói không hết được.

Chánh văn:

10. Lại Văn-thù-sư-lợi! Vị đại Bồ-tát ở đời rốt sau lúc pháp gần diệt mà thọ trì, đọc tụng kinh điển này, chớ ôm lòng ganh ghét đua dối, cũng chớ khinh mạn người học Phật đạo, vạch tìm chỗ hay dở của kia. Nếu hàng Tỷ-kheo,

Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc cầu Thanh văn, hoặc cầu Duyên giác, hoặc cầu Bồ-tát đạo đều không đặng làm não đó, khiến cho kia sinh lòng nghi hối mà nói với người đó rằng: "Các người cách đạo rất xa trọn không thể đặng bậc Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì các người là kẻ buông lung, biếng trễ đối với đạo".

Lại cũng chẳng nên hý luận các pháp có chỗ giành cãi. Phải ở nơi tất cả chúng sinh, khởi tướng đại bi, đối với các đức Như Lai sinh tướng như cha lành, đối với các Bồ-tát tướng là bậc Đại sư, với các đại Bồ-tát ở mười phương phải thâm tâm lễ lạy, với tất cả chúng sinh đều bình đẳng nói pháp. Vì thuận theo pháp nên chẳng nói nhiều, chẳng nói ít, nhấn đến người rất ưa pháp cũng chẳng vì nói nhiều.

Văn-thù-sư-lợi! Vị đại Bồ-tát ở đời rốt sau lúc pháp muốn diệt nếu thành tựu được hạnh an lạc thứ ba đây, thời lúc nói pháp này không ai có thể não loạn, đặng bạn đồng học tốt chung cùng đọc tụng kinh này, cũng đặng đại chúng thường đến nghe thọ. Nghe rồi hay nhớ, nhớ rồi hay tụng, tụng rồi hay nói, nói rồi hay chép, hoặc bảo người chép, cúng dường kinh quyển cung kính tôn trọng ngợi khen.

Giảng giải:

Đoạn này nói về hạnh Chánh ý. Các ác

phiên não của ý căn thì Tam độc tham, sân, si là đứng đầu. Tật đổ thuộc sân, siểm mị nịnh hót là đối với người trên, cuống hoặc lừa dối là đối với người dưới, đó là tham cùng với si vậy. Khinh mắng người học Phật đạo tìm chỗ hay, dở là sợ người hơn mình. Đó là do Tam độc mà phát ra thành nghiệp.

Trong đời ác, lúc pháp gần diệt thì Tam độc rất hưng thịnh. Người trì kinh vì muốn hóa độ người cường bạo, bấy giờ bèn tự lấy Tam độc để đối nghịch với họ, chỗ gọi rằng chẳng khác nào lửa đã cháy lại thêm lửa, đâu có thể lấy đó làm tốt được. Thế nên, răn người trì kinh phải tự thanh tịnh tâm mình để tương ứng với diệu pháp.

Câu: “*Nếu hàng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, hoặc cầu Thanh văn, hoặc cầu Duyên giác, hoặc cầu Bồ-tát đạo đều không dặt làm não đó, khiến cho kia sinh lòng nghi hối*” là trong Tứ chúng có những người cầu đạo Tam thừa, chớ tự khoe mình là học giả Đại thừa, mà làm não loạn lòng họ, khiến họ sinh lòng nghi hối, mà mất đi bản hạnh. Nên đem tâm từ bi để điều phục và nhiếp hóa họ dần dần tiến lên.

Câu: “Nói với người đó rằng: “Các người cách đạo rất xa trọn không thể đặng bậc Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì các người là kẻ buông lung, biếng trễ đối với đạo”. Lại cũng chẳng nên hí luận các pháp có chỗ giành cãi. Nói lỗi làm não loạn lòng người, đã không thể điều phục họ mà còn đem lời nghịch mà nói thêm cho họ, chê người tu học cách đạo rất xa trọn không thể được Nhất thiết chủng trí. Trách người buông lung. Lời trách thì phải nhưng dụng tâm thì trái, làm xúc động tâm lý kẻ khác. Vì vậy họ sinh tâm phỉ báng là do tự mình gây ra vậy.

Nói “các pháp hí luận” nghĩa là phân biệt pháp Đại thừa hay Tiểu thừa, pháp không, pháp hữu, pháp phiến diện, pháp toàn diện... để gây ra sự tranh đua. Những việc này đều do nơi Tam độc phát khởi, ý căn chưa được thanh tịnh. Đó là lý do không thể an trụ hạnh an lạc.

Câu “phải ở nơi tất cả chúng sinh, khởi tướng đại bi, đối với các đức Như Lai sinh tướng như cha lành, đối với các Bồ-tát tướng là bậc Đại sư, với các Đại Bồ-tát ở mười phương phải thâm tâm lễ lạy” là dạy phương pháp trì kinh, nên lấy tâm từ bi

làm đầu. Vì chúng sinh mê mờ điên đảo, nên dùng tâm từ bi, hãy nhớ tưởng đến lòng từ của đức Như Lai, như người cha thương đứa con một, thì không còn tâm chán nản mệt mỏi.

Hàng Bồ-tát khéo học theo hạnh của Phật, chuyên lợi sinh, nên tưởng như bậc thầy, để nối theo hạnh các Ngài. Thế nên, hàng Bồ-tát trong mười phương thường phải thâm tâm cung kính lễ bái.

Từ câu “với tất cả chúng sinh đều bình đẳng nói pháp. Vì thuận theo pháp nên chẳng nói nhiều, chẳng nói ít, nhân đến người rất ưa pháp cũng chẳng vì nói nhiều.

Văn-thù-sư-lợi! Vị Đại Bồ-tát ở đời rất sau lúc pháp muốn diệt nếu thành tựu được hạnh an lạc thứ ba đây, thời lúc nói pháp này không ai có thể nào loạn, đặng bạn đồng học tốt chung cùng đọc tụng kinh này, cũng đặng đại chúng thường đến nghe thọ. Nghe rồi hay nhớ, nhớ rồi hay tụng, tụng rồi hay nói, nói rồi hay chép, hoặc bảo người chép, cúng dường kinh quyển cung kính tôn trọng ngợi khen”.

Đoạn này dạy lấy hạnh trì kinh mà điều

HT. Thích Trí Tịnh

nhiếp. Bình đẳng thuyết pháp thì chẳng lấy tâm phân biệt quý tiện, trí ngu, cao thấp, nghĩa là lấy tâm bình đẳng đại bi mà thuyết pháp. Nói thuận nơi pháp, nghĩa là xa rời được bốn sự hủy báng. Hữu là tăng ích báng, vô là tổn giảm báng. Cũng hữu, cũng vô là tương vi báng. Phi hữu, phi vô là hí luận báng.

Do vì xứng với Pháp tánh mà thuyết pháp nên xa lìa được bốn lỗi này, nên gọi là “*chẳng nói nhiều, chẳng nói ít*”.

“*Nhẫn đến người rất ưa pháp cũng chẳng vì nói nhiều*”. Như từ mẫu nuôi con thơ, chẳng cho ăn nhiều thực tô, sợ ăn nhiều không tiêu hóa trái lại sinh độc hại.

Người trì kinh ở đời, đạt pháp có thể an trụ nơi hạnh này thì không bị người khác nhiễu loạn, chỗ gọi là khéo tu tâm mình.

Những người được như vậy thì đối với bạn đồng phạm hạnh, được chúng sinh đến nghe, khiến cho pháp lợi càng thêm rộng lớn, sáu thứ công đức tự thành tựu, đây thật là diệu hạnh của trì kinh.

Người nào được như vậy, ai lại chẳng ưa

thích sự giáo hóa của họ! Há có việc oán hại ư!
Đây chỗ gọi là chân an lạc hạnh.

Chánh văn:

11. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nếu muốn nói kinh này

Phải bỏ lòng ganh hờn

Ngạo dua dối tà ngụy

Thường tu hạnh chất trực

Chẳng nên khinh miệt người

Cũng chẳng hỷ luận pháp

Chẳng khiến kia nghi hối

Rằng người chẳng thành Phật,

Phật tử đó nói pháp.

Thường nhu hòa hay nhẫn

Từ bi với tất cả

Chẳng sinh lòng biếng trễ,

Bồ-tát lớn mười phương

Thương chúng nên hành đạo

Phải sinh lòng cung kính

Đó là Đại sư ta,

Với các Phật Thế Tôn

**Tướng là cha Vô thượng,
Phá nơi lòng kiêu mạn
Nói pháp không chướng ngại.
Pháp thứ ba như thế
Người trí phải giữ gìn
Một lòng an lạc hạnh
Vô lượng chúng cung kính.**

Giảng giải:

**Nếu muốn nói kinh này
Phải bỏ lòng ganh hờn
Ngạo dua dối tà ngụy
Thường tu hạnh chất trực.**

Là tiết thứ nhất nói về hạnh chất trực. Nghĩa là trực tâm chánh niệm pháp chân như, thì ba độc nơi ý căn và các phiền não tự buông xả.

**Chẳng nên khinh miệt người
Cũng chẳng hý luận pháp
Chẳng khiến kia nghi hối
Rằng người chẳng thành Phật.**

Là tiết thứ hai nói về sự khinh miệt, nghĩa là khinh họ thấp kém, như trong văn Trường hàng có

nói: “*Chê họ cách đạo rất xa*”, tức là khinh chê họ đó vậy.

*Phật tử đó nói pháp
Thường nhu hòa hay nhẫn
Từ bi với tất cả
Chẳng sinh lòng biếng trễ,
Bồ-tát lớn mười phương
Thương chúng nên hành đạo
Phải sinh lòng cung kính
Đó là Đại sư ta,
Với các Phật Thế Tôn
Tưởng là cha Vô thượng,
Phá nơi lòng kiêu mạn
Nói pháp không chướng ngại.*

Là tiết thứ ba nói sự kham nhẫn làm chủ, nên gọi là “*thường nhu hòa hay nhẫn*”. Câu nói tưởng Phật như cha, kính Bồ-tát như thầy, đó là lý do để phá trừ tâm kiêu mạn của mình. Cho nên, khi thuyết pháp tự không có chướng ngại.

*Pháp thứ ba như thế
Người trí phải giữ gìn
Một lòng an lạc hạnh
Vô lượng chúng cung kính.*

Chánh văn:

12. Lại Văn-thù-sư-lợi! Các vị đại Bồ-tát ở đời rốt sau lúc pháp gần diệt có vị nào trì kinh Pháp Hoa này ở trong hàng người tại gia, xuất gia sinh lòng từ lớn, ở trong hạng người chẳng phải Bồ-tát sinh lòng bi lớn, phải nghĩ thế này: Những người như thế thời là mất lợi lớn. Đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói pháp chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi. Người đó dù chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, lúc Ta đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, người đó tùy ở chỗ nào, Ta dùng sức thần thông, sức trí huệ dẫn dắt đó khiến đặng trụ trong pháp này.

Văn-thù-sư-lợi! Vị đại Bồ-tát đó ở sau lúc Như Lai diệt độ nếu thành tựu đặng pháp thứ tư này thời lúc nói pháp này không có lầm lỗi.

Giảng giải:

Đây là hạnh đại bi. Ba hạnh trước, tức là mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, còn hạnh thứ tư này là vào nhà Như Lai.

Phẩm Pháp Sư ở trước là pháp chỉ dạy cho hàng Bồ-tát nên lược những hạnh cốt yếu, đến phẩm này rộng giải thích nghĩa ở phẩm trước.

Từ là ban vui, bi hay cứu khổ. Hàng Phật tử tại gia hay xuất gia có những người hay tín thọ kinh này thì được tăng trưởng pháp lạc, cho nên sinh tâm đại bi. Đối với những người không phải hạng Bồ-tát và hạng Nhất xiển-đề bất tín, nên thương họ u mê, điều phục dạy dỗ dần dần làm họ sinh chánh tín, vì nhờ gốc khổ của họ mà sinh tâm đại bi.

Phải nghĩ thế này: Những người như thế thời là mất lợi lớn. Đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói pháp chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi. Người đó dù chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, lúc Ta đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, người đó tùy ở chỗ nào, Ta dùng sức thần thông, sức trí huệ dẫn dắt đó khiến đặng trụ trong pháp này.

Văn-thù-sư-lợi! Vị đại Bồ-tát đó ở sau lúc Như Lai diệt độ nếu thành tựu đặng pháp thứ tư này thời lúc nói pháp này không có lầm lỗi.

Là nói ý bi mẫn (thương xót) đối với hạng người không tin, thương họ mất điều lợi lớn. Sở dĩ nói mất là do đối với diệu pháp mà Như Lai tùy nghi nói ra, một bề chẳng nghe cho nên không hiểu, không biết. Hơn nữa cố chấp cái ngu tự thị của mình (cho rằng mình là phải), nên không học

hỏi. Bởi không nghe vì thế không tin và không hiểu, họ đã ngu như vậy. Ta trọn đời cũng không bỏ họ cho nên khi thành Phật, tùy ở chỗ nào, đều dùng thần thông và trí huệ dẫn dắt họ, khiến cho an trụ trong pháp này, làm cho chánh nhân của họ không mất, trọn có phần thành Phật. Đây là tâm đại bi cùng tốt.

Trong đời mạt pháp, người trì kinh có đủ bốn hạnh như vậy mà thuyết pháp mới không có lỗi lầm. Do vì diệu kế Phật tâm, chỗ gọi là thực hành sự nghiệp của Như Lai.

Chánh văn:

13. Thường được hàng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà-la-môn, Cư sĩ thấy cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, hàng chư Thiên ở trên hư không vì nghe pháp cũng thường theo hầu. Nếu ở trong xóm làng thành ấp, rừng cây vắng vẻ, có người đến muốn gạn hỏi, hàng chư Thiên ngày đêm thường vì pháp mà vệ hộ đó, có thể khiến người nghe đều đặng vui mừng.

Vì sao? Vì kinh này được sức thần của tất cả các đức Phật thuở quá khứ, vị lai, hiện tại giữ gìn vậy. Văn-thù-sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này ở trong vô lượng cõi nước,

nhấn đến danh tự còn chẳng đặng nghe, hà huống là đặng thấy thọ trì đọc tụng.

Giảng giải:

Đoạn này là chung kết về sự lợi ích thù thắng của bốn hạnh. Nói người trì kinh có đủ bốn hạnh này sẽ được hàng Tứ chúng, quốc vương v.v... cúng dường tôn trọng ngợi khen, huống gì có thêm đức tính nhẫn được sự hủy báng! Chư Thiên ở trên hư không thường theo thủ hộ, há lại có việc ma nhiều hại ư? Nếu ở chỗ không người, có kẻ sinh tâm vấn nạn thì chư Thiên dùng thần lực hộ vệ khiến cho người nghe vui mừng, thì đâu có sự nào hại. Trước đã nói *"Ta liền sai nhiều Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la v.v... thường theo hộ vệ kinh này, tất cả ba đời chư Phật dùng thần lực hộ trì"*, vì thế mà biết hàng chư Thiên ngày đêm thường thủ hộ là do đức Như Lai sai khiến. Bởi công hạnh người trì kinh khéo hợp với Phật hạnh nên được chư Phật hộ niệm như đây vậy. Do vì kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở trong vô lượng cõi nước, danh tự còn chẳng được nghe huống là được thấy hay thọ trì và đọc tụng. Vì pháp này khó gặp, nên người trì kinh cần phải thận trọng. Đây là huệ

mạng của chư Phật, là con mắt của nhân thiên, cho nên không thể không hộ niệm. Nếu không nghe, không tin thì chẳng phải là mất cái lợi lớn đó sao?

Chánh văn:

14. Văn-thù-sư-lợi! Thí như vua Chuyển Luân Thánh Vương sức lực mạnh mẽ muốn dùng oai thế hàng phục các nước, mà các vua nhỏ chẳng thuận mạng lệnh, bấy giờ Chuyển Luân Thánh Vương đem các đạo binh qua đánh dẹp, vua thấy binh chúng những người đánh giặc có công, liền rất vui mừng theo công mà thưởng ban. Hoặc ban cho ruộng, nhà, xóm, làng, thành, ấp, hoặc ban cho đồ y phục trang nghiêm nơi thân, hoặc cho các món trân bảo, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, tôi tớ, nhân dân, chỉ viên minh châu trong buổi tóc chẳng đem cho đó.

Vì sao? Vì riêng trên đánh vua có một viên châu này, nếu đem cho đó thời các quyền thuộc của vua ắt rất kính lạ.

Giải thích:

Đây là thí dụ hạt châu trong búi tóc của vua Chuyển Luân Thánh Vương để so sánh cho kinh này chẳng vọng đem cho người. Phật nhiếp hóa cả

Tam giới, xưng gọi là Đại hùng vì có thể phá tan các pháp hữu (chỉ cho Tam giới). Như sức mạnh của Luân Vương muốn dùng oai thế để hàng phục các nước, đó là thí dụ như người có sức mạnh mà phá các cõi (Tam giới). Còn nói “*các vua nhỏ chẳng thuận mạng lệnh*” là dụ cho các ma Ngũ ấm, ma phiền não trong sinh tử v.v... thấy đều trái với giác tánh, hợp với trần lao. Đức Như Lai xuất thế vì một đại sự nhân duyên mà đặc biệt là nhiếp phục các loài ma, nên hiện thân thuyết pháp.

Ban đầu, từ nơi vườn Lộc uyển thuyết pháp Hữu là để phá chấp của kẻ phàm phu về sự khổ của sinh tử. Kế đến là thuyết Bát-nhã, luận về pháp Không để phá kiến chấp nhằm chán về có (sinh tử) của hàng Nhị thừa. Lần thứ ba thuyết kinh Giải Thâm Mật để phù hợp giữa Không và Có, phá đi thiên chấp của Nhị thừa. Lần thứ tư nói kinh Lăng-già chỉ thẳng thức tạng tức là Như Lai tạng, liền thấy được Phật tánh, trước là phá đi công đức hạnh phương tiện của Nhị thừa.

Trải qua bốn mươi năm, chỗ nói các kinh đã dùng vô lượng vô số phương tiện để phá tình chấp của Tam thừa, nên nói “*đem các đạo binh qua*

đánh dẹp (thảo phạt)". Thảo là kể tội ra, phạt là phá nước của họ. Đó là Phật quả trách hàng Nhị thừa, phá thành Niết-bàn (Hóa Thành) đó vậy. Nhưng hàng Tam thừa nghe pháp này đều có chỗ chứng đắc nên thí dụ như binh lính có công, luận theo công mà ban thưởng những thứ ruộng đất, đến nô tỳ, nhân dân... là dụ cho những tác dụng lợi ích của quả Tam thừa.

Riêng viên minh châu trong búi tóc chẳng đem cho đó, thí như không nói ngay kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Sở dĩ không nói ngay đó là e đại chúng sinh nghi nên chẳng khinh nói, như viên châu trong búi tóc không cho vậy.

Chánh văn:

15. Văn-thù-sư-lợi! Như Lai cũng như thế, dùng sức thiên định trí huệ đặng cõi nước pháp, giáo hóa trong ba cõi mà ma vương chẳng khứng thuận phục, các tướng Hiền Thánh của Như Lai cùng ma đánh nhau. Những người có công lòng cũng vui mừng, trong hàng chúng vì nói các kinh khiến tâm kia vui thích, ban cho các pháp thiên định, giải thoát, vô lậu, căn lực. Và lại ban cho thành Niết-bàn, bảo rằng đặng diệt độ để dẫn dắt lòng chúng làm cho đều đặng vui mừng, mà chẳng vì đó nói kinh Pháp Hoa này.

Văn-thù-sư-lợi! Như vua Chuyển Luân thấy các binh chúng những người có công lớn, đem viên minh châu khó tin từ lâu ở trong búi tóc chẳng vọng cho người, mà nay cho đó.

Đức Như Lai cũng lại như thế, làm vị đại Pháp Vương trong ba cõi, đem pháp mầu giáo hóa tất cả chúng sinh. Thấy quân Hiền Thánh cùng ma Ngũ ấm, ma phiền não, ma chết, đánh nhau có công lao lớn, diệt ba độc, khỏi ba cõi, phá lưới ma. Lúc ấy Như Lai cũng rất vui mừng, kinh Pháp Hoa này có thể khiến chúng sinh đến bậc “Nhất thiết trí” là pháp mà tất cả thế gian nhiều oán ghét khó tin, trước chưa từng nói mà nay nói đó.

Văn-thù-sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này là lời nói bậc nhất của Như Lai, ở trong các lời nói thời là rất sâu, rất sau mới ban cho, như vua sức mạnh kia lâu gìn viên minh châu mà nay mới cho đó.

Văn-thù-sư-lợi! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của các đức Phật Như Lai, ở trong các kinh thời là bậc trên hết, lâu ngày giữ gìn chẳng vọng tuyên nói, mới ở ngày nay cùng với các ông mà bày nói đó.

Giảng giải:

Đoạn này nói về Pháp hợp với Du. Nói “*Như Lai cũng như thế*” là phù hợp với tiết đầu.

HT. Thích Trí Tịnh

Những người có công lòng cũng vui mừng, trong hàng chúng vì nói các kinh khiến tâm kia vui thích, ban cho các pháp thiên định, giải thoát, vô lậu, căn lực. Và lại ban cho thành Niết-bàn, bảo rằng đặng diệt độ để dẫn dắt lòng chúng làm cho đều đặng vui mừng, mà chẳng vì đó nói kinh Pháp Hoa này.

Là phù hợp với tiết thứ hai.

Như vua Chuyển Luân thấy các binh chúng những người có công lớn, đem viên minh châu khó tin từ lâu ở trong bụi tóc chẳng vọng cho người, mà nay cho đó.

Là lập lại thí dụ thuyết minh riêng về hạt viên minh châu trong bụi tóc chẳng đem cho.

Đức Như Lai cũng lại như thế, làm vị đại Pháp Vương trong ba cõi, đem pháp mẫu giáo hóa tất cả chúng sinh. Thấy quân Hiền Thánh cùng ma Ngũ ấm, ma phiền não, ma chết, đánh nhau có công lao lớn, diệt ba độc, khỏi ba cõi, phá lưới ma. Lúc ấy Như Lai cũng rất vui mừng, kinh Pháp Hoa này có thể khiến chúng sinh đến bậc "Nhất thiết trí" là pháp mà tất cả thế gian nhiều oán ghét khó tin, trước chưa từng nói mà nay nói đó.

Là trùng hợp với tiết thứ hai, thuyết minh tất cả các kinh đều nói, nhưng không thuyết kinh Pháp Hoa vì khó tin. "*Trước chưa từng nói mà nay*

nói đó” là vì pháp này hy hữu khó tin, thí như Luân Vương lấy hạt châu trong búi tóc để ban cho. Nếu không phải người có công đức như ở trên thì không được vậy. Thế nên, nói kinh này là lời nói đệ nhất của các đức Phật, cho nên sau rốt mới đem cho.

Chính như viên minh châu trong búi tóc chờ người có công lớn. “*Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của các đức Phật Như Lai*”. Đoạn này kết hiển rằng Phật ở lâu dài trong sinh tử giữ gìn hơn bốn mươi năm để chờ đợi cơ duyên.

Chánh văn:

16. Lúc đó, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Thường tu hành nhẫn nhục

Thương xót tất cả chúng

Mới có thể diễn nói

Kinh của Phật khen ngợi.

Đời mạt thế về sau

Người thọ trì kinh này

Với tại gia, xuất gia

Và chẳng phải Bồ-tát.

Nên sinh lòng từ bi
Những người đó chẳng nghe
Chẳng tin kinh pháp này
Thời là mất lợi lớn.
Khi Ta chứng Phật đạo
Dùng các sức phương tiện
Vì nói kinh pháp này
Làm cho trụ trong đó.
Thí như vua Chuyển Luân
Thánh vương có sức mạnh
Binh tướng đánh có công
Thưởng ban những đồ vật.
Voi, ngựa và xe cộ
Đồ trang nghiêm nơi thân
Và những ruộng cùng nhà
Xóm làng thành ấp thảy
Hoặc ban cho y phục
Các món trân báu lạ
Tôi tớ cùng của cải
Đều vui mừng ban cho.
Nếu có người mạnh mẽ
Hay làm được việc khó
Vua mới mở búi tóc

Lấy minh châu cho đó.
Đức Như Lai cũng thế
Là vua trong các pháp
Nhấn nhục sức rất lớn
Tạng báu trí huệ sáng
Dùng lòng từ bi lớn
Đúng như pháp độ đời
Thấy tất cả mọi người
Chịu các điều khổ não
Muốn cầu được giải thoát
Cùng các ma đánh nhau,
Phật vì chúng sinh đó
Nói các món kinh pháp.
Dùng sức phương tiện lớn
Nói các kinh điển đó,
Đã biết loài chúng sinh
Đặng sức mạnh kia rồi
Rốt sau mới vì chúng
Nói kinh Pháp Hoa này
Như vua Thánh mở tóc
Lấy minh châu cho đó.
Kinh này là bậc tôn
Trên hết trong các kinh

Ta thường giữ gìn luôn
Chẳng vọng vì mở bày
Nay chính đã phải lúc
Vì các ông mà nói.
Sau khi Ta diệt độ
Người mong cầu Phật đạo
Muốn đặng trụ an ổn
Diễn nói kinh pháp này
Phải nên thường gìn giữ
Bốn pháp trên như thế
Người đọc tụng kinh này
Thường không bị ưu não
Lại không có bệnh đau
Nhan sắc được trắng sạch
Chẳng sinh nhà bán cùng
Dòng ti tiện xấu xa
Chúng sinh thường ưa thấy.
Như ham mộ Hiền Thánh
Các đồng tử cõi trời
Dùng làm kẻ sai khiến
Dao gậy chẳng đến được
Độc dữ chẳng hại được
Nếu người muốn mắng nhiếc

Miệng thời liền ngậm bít
Dạo đi không sợ sệt
Dường như Sư tử vương
Trí huệ rất sáng suốt
Như mặt trời chói sáng.

Giảng giải:

Thường tu hành nhẫn nhục
Thương xót tất cả chúng
Mọi có thể diễn nói
Kinh của Phật khen ngợi.

Là lời tụng chung về hàng lấy nhẫn nhục làm căn bản.

Đời mặt thế về sau
Người thọ trì kinh này
Với tại gia, xuất gia
Và chẳng phải Bồ-tát.
Nên sinh lòng từ bi
Những người đó chẳng nghe
Chẳng tin kinh pháp này
Thời là mất lợi lớn.
Khi Ta chứng Phật đạo
Dùng các sức phương tiện

**Vì nói kinh pháp này
Làm cho trụ trong đó.**

Là tụng về hạnh từ bi. "**Làm cho trụ trong đó**" nghĩa là an trụ trong pháp tịch diệt.

**Thí như vua Chuyển Luân
Thánh vương có sức mạnh
Binh tướng đánh có công
Thưởng ban những đồ vật.**

**Voi, ngựa và xe cộ
Đồ trang nghiêm nơi thân**

**Và những ruộng cùng nhà
Xóm làng thành ấp thảy**

**Hoặc ban cho y phục
Các món trân báu lạ**

**Tôi tớ cùng của cải
Đều vui mừng ban cho.**

**Nếu có người mạnh mẽ
Hay làm được việc khó**

**Vua mới mở búi tóc
Lấy minh châu cho đó.**

Là tụng về thí dụ.

Đức Như Lai cũng thế

Là vua trong các pháp
Nhấn nhục sức rất lớn
Tạng báu trí huệ sáng
Dùng lòng từ bi lớn
Đúng như pháp độ đời
Thấy tất cả mọi người
Chịu các điều khổ não
Muốn cầu được giải thoát
Cùng các ma đánh nhau,
Phật vì chúng sinh đó
Nói các món kinh pháp.
Dùng sức phương tiện lớn
Nói các kinh điển đó,
Đã biết loài chúng sinh
Đặng sức mạnh kia rồi
Rốt sau mới vì chúng
Nói kinh Pháp Hoa này
Như vua Thánh mở tóc
Lấy minh châu cho đó.

Là nói Pháp hợp với Dụ. Đấng Pháp Vương dùng sức đại nhẫn mà nói pháp, cho nên diệu hạnh trì kinh phải lấy nhấn nhục làm tối thắng.

**Kinh này là bậc tôn
Trên hết trong các kinh
Ta thường giữ gìn luôn
Chẳng vọng vì mở bày
Nay chính đã phải lúc
Vì các ông mà nói.**

Là nói kinh này tôn thượng hơn hết.

**Sau khi Ta diệt độ
Người mong cầu Phật đạo
Muốn đặng trụ an ổn
Diễn nói kinh pháp này
Phải nên thường gìn giữ
Bốn pháp trên như thế.**

Là tụng kết lại ý đáp lời hỏi.

**Người đọc tụng kinh này
Thường không bị ưu não
Lại không có bệnh đau
Nhan sắc được trắng sạch
Chẳng sinh nhà bần cùng
Dòng ti tiện xấu xa
Chúng sinh thường ưa thấy
Như ham mộ Hiền Thánh**

Các đồng tử cõi trời
Dùng làm kẻ sai khiến
Dao gậy chẳng đến được
Độc dữ chẳng hại được
Nếu người muốn mắng nhiếc
Miệng thời liền ngậm bít.

Là nói người trì kinh hay xa lìa các chướng
nạn và tai hại.

Dường như Sư tử vương
Trí huệ rất sáng suốt
Như mặt trời chói sáng.

Là nói người trì kinh được vô úy. Còn nói
“*quang minh*” đó là nói tâm với pháp là một, cho
nên chánh đại và vô úy dường như đây.

Chánh văn:

17. Nếu ở trong chiêm bao
Chỉ thấy những việc tốt
Thấy các đức Như Lai
Ngồi trên tòa Sư tử
Các hàng chúng Tỷ-kheo
Vạy quanh nghe nói pháp,
Lại thấy các Long Thần

Cùng A-tu-la thấy
Số như các sông Hằng
Đều cung kính chấp tay
Tự ngỡ thấy thân mình
Mà vì chúng nói pháp
Lại thấy các đức Phật
Thân tướng thuần sắc vàng
Phóng vô lượng hào quang
Soi khắp đến tất cả
Dùng giọng tiếng Phạm âm
Mà diễn nói các pháp
Phật vì hàng Tứ chúng
Nói kinh pháp Vô thượng
Thấy thân mình ở trong
Chấp tay khen ngợi Phật
Nghe pháp lòng vui mừng
Mà vì cúng dường Phật
Đặng pháp Đà-la-ni
Chứng bậc Bất thối trí,
Phật biết tâm người đó
Đã sâu vào Phật đạo
Liên vì thọ ký cho
Sẽ thành tối Chánh Giác.

Thiện nam tử người này!
Sẽ ở đời vị lai
Chúng đặng vô lượng trí
Nên đạo lớn của Phật,
Cõi nước rất nghiêm tịnh
Rộng lớn không đâu bằng
Cũng có hàng Tứ chúng
Chấp tay nghe nói pháp
Lại thấy thân của mình
Ở trong rừng núi vắng
Tu tập các pháp lành
Chứng Thật tướng các pháp
Sâu vào trong thiền định
Thấy các Phật mười phương
Các Phật thân sắc vàng
Trăm phước tướng trang nghiêm
Nghe pháp vì người nói
Thường có mộng tốt đó.
Lại mộng làm quốc vương
Bỏ cung điện quyền thuộc
Và Ngũ dục thượng diệu
Đi đến nơi Đạo Tràng
Ở dưới cội Bồ-đề

Mà ngồi tòa Sư tử
Cầu đạo quả bảy ngày
Đặng trí của các Phật
Thành đạo Vô Thượng rồi
Dậy mà chuyển pháp luân
Vì bốn chúng nói pháp
Trải nghìn muôn ức kiếp
Nói pháp mâu vô lậu
Độ vô lượng chúng sinh
Sau sẽ vào Niết-bàn
Như khói hết đèn tắt.

Giải thích:

Đoạn kệ tụng này nói về lợi ích thù thắng của người trì kinh.

Nếu ở trong chiêm bao

Chỉ thấy những việc tốt

Bởi vì người trì kinh tâm và lý hợp nhau, tập khí đã tiêu, cấu đã tịnh, như nước trong thì bóng trắng hiện. Thế nên, diệu cảnh hiện tiền. Đây là điềm ứng cho lợi ích thù thắng.

Thấy các đức Như Lai

Ngồi trên tòa Sư tử

Các hàng chúng Tỷ-kheo
Vậy quanh nghe nói pháp,
Lại thấy các Long Thần
Cùng A-tu-la thấy
Số như các sông Hằng
Đều cung kính chấp tay
Tự ngó thấy thân mình
Mà vì chúng nói pháp.
Lại thấy các đức Phật
Thần tướng thuần sắc vàng
Phóng vô lượng hào quang
Soi khắp đến tất cả
Dùng giọng tiếng Phạm âm
Mà diễn nói các pháp.

Tụng về các điều sự trong mộng. Thấy Phật vì chúng sinh thuyết pháp, lại thấy Long thần đến nghe mình nói pháp cho họ, lại thấy Phật phóng quang thuyết pháp.

Phật vì hàng Tứ chúng
Nói kinh pháp Vô thượng
Thấy thân mình ở trong
Chấp tay khen ngợi Phật

**Nghe pháp lòng vui mừng
Mà vì cúng dường Phật
Đặng pháp Đà-la-ni
Chứng bậc Bất thối trí,
Phật biết tâm người đó
Đã sâu vào Phật đạo
Liên vì thọ ký cho
Sẽ thành tối Chánh Giác.**

Là nói thấy Phật thuyết pháp. Tự thân mình ở nơi chúng hội nghe pháp, đắc được pháp Tổng trì, chứng được bậc Bất thối, đầy đủ nhân hạnh. Đức Phật biết được tâm kia và thọ ký cho họ.

**Thiện nam tử người này!
Sẽ ở đời vị lai
Chúng đặng vô lượng trí
Nên đạo lớn của Phật,
Cõi nước rất nghiêm tịnh
Rộng lớn không đâu bằng
Cũng có hàng Tứ chúng
Chắp tay nghe nói pháp.
Đoạn này nói về việc thọ ký.
Lại thấy thân của mình**

*Ở trong rừng núi vắng
Tu tập các pháp lành
Chứng Thật tướng các pháp
Sâu vào trong thiền định
Thấy các Phật mười phương
Các Phật thân sắc vàng
Trăm phước tướng trang nghiêm
Nghe pháp vì người nói
Thường có mộng tốt đó.*

Là nói sau khi được thọ ký, thấy tự thân mình ở trong núi tu hành, chứng được pháp Thật tướng, đắc thiền định. Trong định, lại thấy thân Phật kim sắc trang nghiêm, thấy rồi theo Phật nghe pháp, xoay vần vì người mà nói.

*Lại mộng làm quốc vương
Bỏ cung điện quyền thuộc
Và Ngũ dục thượng diệu
Đi đến nơi Đạo Tràng
Ở dưới cội Bồ-đề
Mà ngồi tòa Sư tử
Cầu đạo quả bảy ngày
Đặng trí của các Phật*

Thành đạo Vô Thượng rồi

Dạy mà chuyển pháp luân

Vì bốn chúng nói pháp

Trải nghìn muôn ức kiếp

Nói pháp mầu vô lậu

Độ vô lượng chúng sinh

Sau sẽ vào Niết-bàn

Nhu khói hết đèn tắt.

Là nói trong mộng làm quốc vương, rồi xả bỏ quốc vị của mình, qua đến Đạo Tràng cầu đạo bảy ngày bèn được Phật trí, thành đạo Vô Thượng, cho đến thuyết pháp ngàn muôn vạn ức kiếp, độ các chúng sinh, hóa duyên đã mãn, sẽ vào Niết-bàn.

Trong giấc mộng này, trước sau thấy Phật, nghe pháp, ngộ đạo, mong Phật thọ ký. Sau khi thọ ký, lại mộng thấy bỏ ngôi vua cầu đạo Bồ-đề, nhân đến một đời thành Phật, trọn đến nhập Niết-bàn.

Qua thời gian ngàn muôn vạn ức kiếp lâu dài, mà những việc trải qua rành rẽ đều như chỗ hiện ra trong bạch hào quang minh trước kia.

Chư Phật trước sau đều vì một đại sự nhân duyên mà thôi, vì chưa từng khai Phật trí kiến, nên

Phật dùng tướng hào quang biểu thị trước sau (thủy chung) việc thành Phật của mình chẳng rời một niệm hiện tiền, khiến cho mọi người đều thấy biết rõ ràng.

Nay nghe diệu pháp đã khai Phật tri kiến rồi, nhân nơi lợi ích của trì kinh. Tự thấy việc thành Phật trước sau, chính ở trong ức kiếp lâu dài chỉ trong một niệm của người, không rời Sát-na vi tế. Làm họ tự tin nơi mình chẳng còn hoài nghi.

Tuy nhiên, đây chỉ dựa vào giấc mộng mà nói, chỗ gọi là “sinh tử Niết-bàn dường như giấc mộng đêm qua”. Ý khiến cho mọi người trì kinh thành tựu được bốn hạnh này, nên quan sát các pháp như việc trong mộng, rộng không không chỗ có, trọn chẳng có thể được. Đây là lợi ích thù thắng của sự sâu chứng Thật tướng Tam-muội đó vậy. Lạ thay! Lạ thay!

Trong mộng thấy Phật, nghe pháp ngộ đạo. Lại trong mộng thấy nhập định. Trong định thuyết pháp lợi sinh, nhẫn đến xả bỏ ngôi vua mà cầu đạo, cho đến thành Phật độ sinh và nhập Niết-bàn. Trải qua vô lượng ức kiếp lâu xa, mà chỉ là giấc mộng, kẻ thường tình có thể lường biết được sao!